

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI B
TỈNH THÁI B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2023.

V/v tranh chấp HN&GD.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI B, TỈNH THÁI B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng và ông Hoàng Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái B, tỉnh Thái B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái B, tỉnh Thái B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái B, tỉnh Thái B. Tòa án nhân dân thành phố Thái B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1970, (vắng mặt có lý do);

Nơi cư trú: Số nhà 04, ngõ 37, đường T tổ 02, phường T, thành phố Thái B.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị B, (Quyết định tuyên bố mất tích số 04/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022 - vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ đi: Số nhà 04, ngõ 37, đường T tổ 02, phường T, thành phố Thái B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2022, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa và tại các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn anh Đoàn Văn S trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị B tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/9/2007, tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Thái B. Sau kết hôn tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 chị B buôn bán bị thua lỗ nên nợ nần không có khả năng trả nợ dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngày 04/01/2020, chị B bỏ nhà đi biệt tích, kể từ ngày bỏ nhà đi đến nay chị B không liên lạc, không tin tức gì về cho anh, gia đình và bạn bè. Anh đã nhiều lần tìm kiếm chị B ở nhiều nơi nhưng không có kết quả, không ai biết chị B đang ở đâu, làm gì. Do chị B bỏ đi đã lâu không có tin tức nên anh đã làm thủ tục tuyên bố chị B là người mất tích, tại Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thái B đã tuyên bố chị Trần Thị B là người mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố chị B mất tích đến ngày anh làm thủ tục ly hôn, anh vẫn không có tin tức của chị B. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị B.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị B có 03 con chung là: Con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013. Hiện tại 03 con đều do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho các con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Trần Thị B không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thái B đã tuyên bố chị Trần Thị B là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng dân sự tại địa phương nhưng vẫn không có thông tin về chị B vì vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, quan điểm của chị Trần Thị B về việc giải quyết vụ án.

* Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 13/9/2022 của cháu Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008; các Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 13/10/2022 của các cháu Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013, cháu Trang, cháu Nhi, cháu Vũ đều trình bày như sau: Các cháu là con của anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B. Chị B bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay, hiện nay không ai có tin tức về chị B. Các cháu đang được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu anh S, chị B ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với anh S.

** Tại biên bản xác minh ngày 30/11/2022, đại diện tổ dân phố số 02, phường Quang Trung và đại diện UBND phường T, thành phố Thái B cung cấp như sau:*

Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quang Trung, thành phố Thái B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 15/9/2007. Sau kết hôn anh, chị chung sống tại địa phương, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do chị B làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 01/2020 chị B bỏ đi biệt tích khỏi gia đình và địa phương, không ai biết chị B ở đâu, làm gì. Năm 2022, anh S đã làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với chị B, ngày 12/9/2022 Toà án nhân dân thành phố Thái B đã tuyên bố chị Trần Thị B là người mất tích. Từ khi Toà án tuyên bố chị B mất tích đến nay chị B vẫn không có mặt tại tổ 02, phường Quang Trung, thành phố Thái B. Tổ dân phố và chính quyền địa phương không ai có thông tin gì về chị B. Anh S xin ly hôn chị B, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B có 03 con chung là con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013. Hiện tại anh S đang nuôi dưỡng 03 con chung ổn định về mọi mặt, chị B mất tích nên đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B có tài sản chung, riêng hay không địa phương không biết; anh, chị không vay nợ gì tại các tổ chức, đoàn thể tại địa phương nên địa phương không có ý kiến, quan điểm gì về tài sản.

** Tại Biên bản xác minh ngày 17/01/2023, ông Trần Duy Lân, sinh năm 1952 (bố đẻ chị Trần Thị B), địa chỉ: Thôn Tân Minh, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái B, trình bày: Anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường Quang Trung, thành phố Thái B, tỉnh Thái B. Khoảng năm 2020, chị B nói là đi làm ăn sau đó đi đâu gia đình ông không biết, chị B không thông tin, liên lạc gì về cho gia đình ông, gia đình ông không có tin tức gì của chị B. Năm 2022, anh S đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái B tuyên bố chị B là người mất tích và tháng 9/2022, Toà án đã tuyên bố chị B là người mất tích. Kể từ khi Toà án tuyên bố chị B mất tích đến nay chị B không trở về gia đình ông và không liên lạc gì với gia đình ông, gia đình ông không có tin tức gì của chị B. Nay anh S xin ly hôn chị B, gia đình ông không có ý kiến, việc giải quyết vụ án do anh S, chị B tự quyết định. Anh S, chị B có 03 con chung là con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013. Hiện tại chị B không có mặt tại địa phương, đề nghị Toà án giao cho anh S nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của anh S, chị B, gia đình ông không có ý kiến và yêu cầu gì.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:*

1. Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định tại các Điều: 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 177, 179, 203, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng các quy định tại các Điều: 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Văn S được ly hôn chị Trần Thị B.

- Về con chung: Xử giao 03 con chung là con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013 cho anh Đoàn Văn S nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho các con chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Đoàn Văn S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Thái B; nguyên đơn khởi kiện vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái B.

[1.2] Về thủ tục hòa giải và xét xử: Tại Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thái B đã tuyên bố chị Trần Thị B là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án chị B không có mặt tại địa phương, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2007, tại UBND

phường Quang Trung, thành phố Thái B, tỉnh Thái B, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống do chị B làm ăn thua lỗ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày 04/01/2020 chị B đã bỏ nhà đi biệt tích, anh S và gia đình đã tìm chị B ở nhiều nơi nhưng không ai có tin tức về chị B. Năm 2022 anh S yêu cầu Tòa án tuyên bố chị B là người mất tích. Tại Quyết định số 04/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thái B đã tuyên bố chị Trần Thị B là người mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố chị B mất tích đến nay vẫn không ai có tin tức gì của chị B. Như vậy, hôn nhân giữa anh S và chị B không tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”*. Từ các căn cứ trên cần xử cho anh S được ly hôn chị B là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về nuôi con: Anh Đoàn Văn S và chị Trần Thị B có 03 con chung là con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013. Hiện tại chị B mất tích, anh S đang nuôi dưỡng các con chung và các con đều đã ổn định về mọi mặt trong cuộc sống; mặt khác, các con đều có nguyện vọng được ở với anh S. Để đảm bảo cuộc sống ổn định như hiện tại của các con và theo yêu cầu của anh S cần giao cả 03 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh S không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho các con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng cho các con chung đối với chị B.

[2.3] Về tài sản: Anh Đoàn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; chị B không có ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án, do đó, không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] Về án phí: Anh Đoàn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 203; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Văn S được ly hôn chị Trần Thị B.

2. Về nuôi con: Xử giao cho anh Đoàn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là con Đoàn Thu T, sinh ngày 19/9/2008, con Đoàn Phương N, sinh ngày 18/4/2011 và con Đoàn Huy V, sinh ngày 06/9/2013. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho các con chung đối với chị Trần Thị B.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001267 ngày 01/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái B sang thi hành án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/03/2023. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Thái B;
- Chi cục THADS TP. Thái B;
- UBND p. Quang Trung, TP. Thái B, tỉnh Thái B (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hân